TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST.
Ngày: 22/01/2024.
V/v: "Tranh chấp về thừa kế S sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,

TỈNH BÌNH THUẬN

Với T phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Sơn
2. Ông Đặng Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Gia Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLST-DS ngày 17/7/2018, về việc: "Tranh chấp về thừa kế S sản**"** theo Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 61/2018/QĐ-GHXX ngày 19/11/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐST-DS ngày 18/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 18/02/2019; Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 15/3/2019; Thông báo hoãn phiên tòa số 03/TB-TA ngày 11/4/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS ngày 08/5/2019; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 18/2019/QĐST-DS ngày 07/6/2019; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 31/2019/QĐ-DS ngày 30/10/2019; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 14/2020/QĐ-GHXX ngày 02/3/2020; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 23/2020/QĐST-DS ngày 04/5/2020; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 70/2023/QĐ-DS ngày 02/10/2023; Thông báo về việc mở phân tòa tiếp tục xét xử vụ án số 83/2023/TB-TA ngày 24/10/2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số 21/TB-TA ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-DS ngày 25/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn 3, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền A, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Đặng Thị Lâm, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn Hiệp Nhơn, xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Phạm Thị K, sinh năm 1960
- Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962
- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận.

- Bà Phạm Thị O, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 6, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Anh Trần Văn A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Hàm Tiến, T phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Chị Trần Thị Q, sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu phố Phú Xuân, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Q: Anh Trần Văn A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Hàm Tiến, T phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng: Ông Đào Văn T, sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn 6, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt: Ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị M, bà Đặng Thị Lâm, anh Trần Văn A và bà Phạm Thị K.

Vắng mặt: Chị Trần Thị Q, ông Đào Văn T và ông Nguyễn Hữu S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2016, bản khai và lời khai của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T khai: Về quan hệ gia đình của ông như sau: Cha: Phạm Tý, chết năm 2014; Mẹ: Nguyễn Thị Hoàng, chết ngày 08 tháng 02 năm 2015; Ông nội: Không biết tên, chết từ lâu không rõ năm, chết trước cha mẹ; Bà nội: Không biết tên, chết từ lâu không rõ năm, chết trước cha mẹ; Ông ngoại: Không biết tên, chết từ lâu không rõ năm, chết trước cha mẹ; Bà ngoại: Không biết tên, chết từ lâu không rõ năm, chết trước cha mẹ; Cha mẹ sinh ra 08 người con, theo thứ tự sau: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1956; Bà Phạm Thị Đinh (đã chết vào năm 2000); Bà Phạm Thị K, sinh năm 1960; Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962; Ông Phạm Ngọc T - là ông; Bà Phạm Thị O, sinh năm 1969; Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970; Bà Phạm Thị M, sinh năm 1973. Bà Đinh chết có 02 con là: Anh Trần Văn A, sinh năm 1988 và chị Trần Thị Q, sinh năm 1994. Ông Phạm Ngọc T xác định cha mẹ ông chết để Tờ di chúc ngày 10/11/1992 và ông yêu cầu chia S sản theo di chúc này. Nội dung Tờ di chúc như sau: Tôi tên là Phạm Tý sinh năm 1919, tại Nghĩa Bình, giấy chứng minh nhân dân số 26010124, vợ tên là Nguyễn Thị Hoàng – sinh năm 1927, tại Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, giấy chứng minh nhân dân số 260101187, Gia đình

chúng tôi hiện đăng ký hộ khẩu và cư trú tại Hợp tác xã Nông nghiệp Hàm Đức 5, huyện Hàm Thuận Bắc.

Trước lúc trăm tuổi già chồng vợ tôi có lập tờ di chúc này để ghi lưu lại lời nói của mình cho các con của chúng tôi sau này theo đó mà cư xử, đùm bộc nhau lúc mà cha mẹ đều không còn nữa. Và trước khi lập tờ di chúc này, chồng vợ tôi đã sum họp các con kể cả trai gái để có sự bàn định sắp xếp trong gia đình rồi đi đến thông cảm cùng nhất trí lập tờ như sau đây:

Lúc xuân thời chồng vợ tôi có sinh hạ được tám đứa con là:

1. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1956
2. Bà Phạm Thị Đinh, sinh năm 1957
3. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1960
4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1962
5. Ông Phạm Ngọc T - là ông
6. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1969
7. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1970
8. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1973

Trước đây trong thời kỳ kháng pháp, sau khi chúng tôi gặp nhau xây dựng hạnh phúc gia đình vì nghèo nên do sự cần cù làm ăn bằng công sức lao động để mà khai hoang, bới xới vun trồng quanh năm suốt tháng cộng vào sự tiện tặn dành dụm nên ngoài chén cơm tấm áo cho gia đình đến hôm nay chồng vợ tôi còn lại chút S sản nhỏ nhen gồm có:

-Ruộng gieo trồng lúa có diện tích là hai sào tư.

-Đất vườn đất im có diện tích là ba sào chính bảy mươi thước.

-Đất thổ cư có diện tích là hai sào hai.

Tổng cộng diện tích ruộng và đất là tám sào rưỡi sáu mươi tám thước rưỡi do công sức chồng vợ tôi khai phá bới xới theo ven sa động dầu ông Trấu thuộc khu vực Láng nhỏ Tuỳ Hoà cũ – cùng một khoảng thổ cư diện tích ba trăm thước vuông đã mua đứt của ông Nguyễn Văn Lộc, bà Thái Thị Mai vào năm 1962.

-Về nhà cửa: có một số nhà đã xây cất trên khoảng đất thổ cư ba trăm thước vuông ở về hướng Đông Trường mẫu giáo Hàm Đức 5, gần cửa 1 nhà trước, kiềng đá vách gạch lợp mái ngói mốc với một nhà sau cũng ba căn song kiềng đá vách gạch lợp ngói âm dương và tôle. Với sở nhà chỉ có một cái cũng ba căn sang nên vách đất, cây cột và lợp bằng tôle đã cất trên vạc đất thổ cư trong động cát để làm nơi ăn ở canh tác, sản xuất ruộng vườn. Cả hai sở nhà này đều có đủ đồ dùng như tủ, bàn ghế, giường ván, lu mái … Ngoài hai sở nhà này còn có một bộ gỗ nhà giàng trên như trính, kèo, đòn tay, ron lách và một số cửa lớn nhỏ đủ khuôn nội, ngoại là tám bộ và một số đá chẻ đủ xây một kiềng nhà ba căn.

-Về gia súc: còn 7 con bò cái nái lớn nhỏ và bốn con bò đực cày (ngoại trừ những con bò cái nái mà đã đưa cho các con trước đây). Hiện giờ chồng vợ tôi đã già yếu không còn sức lao động để đảm đang công việc làm ăn nhiều nữa nên đem số S sản nói trên chia sẻ cho các con mỗi đứa đều có phần ăn dứt khoát kể cả trai gái đều có mỗi phần thực tế như sau:

Phần thứ nhất: đã cho đứa con gái tên Pham Thị Ba trước đây là 3 chỉ vàng y, hai con bò cái cùng một số đất im của chồng vợ tôi còn quản lý để thêm vào diện tích ruộng mà HTX cấp khoán để canh tác làm ăn hơn vài năm nay rồi (diện tích HTX đã có ghi để tính thuế nông nghiệp).

Phần thứ 2: đã cho đứa con gái tên Phạm Thị Đinh trước đây là 3 chỉ vàng y, hai con bò cái cùng một số đất im của chồng vợ tôi còn quản lý để thêm vào diện tích ruộng mà HTX cấp khoán để canh tác làm ăn hơn vài năm nay rồi (diện tích HTX đã có ghi để tính thuế nông nghiệp).

Phần thứ 3: đã cho đứa con gái tên Phạm Thị K trước đây là 3 chỉ vàng y, hai con bò cái cùng một số đất im của chồng vợ tôi còn quản lý để thêm vào diện tích ruộng mà HTX cấp khoán để canh tác làm ăn hơn vài năm nay rồi (diện tích HTX đã có ghi để tính thuế nông nghiệp).

Phần thứ 4: đã cho đứa con gái tên Phạm Thị X trước đây là 3 chỉ vàng y, hai con bò cái cùng một số đất im của chồng vợ tôi còn quản lý để thêm vào diện tích ruộng mà HTX cấp khoán để canh tác làm ăn hơn vài năm nay rồi (diện tích HTX đã có ghi để tính thuế nông nghiệp).

Phần thứ 5: đã cho đứa con gái tên Phạm Thị O trước đây là 3 chỉ vàng y, hai con bò cái cùng một số đất im của chồng vợ tôi còn quản lý để thêm vào diện tích ruộng mà HTX cấp khoán để canh tác làm ăn hơn vài năm nay rồi (diện tích HTX đã có ghi để tính thuế nông nghiệp).

Phần thứ 6: Giao cho đứa con trai tên Phạm Ngọc T gồm cái nhà trước của sở nhà, 2 cái đã xây cất trên nửa khoảng đất thổ cư ở phía hướng Đông (đất ở sau trường mẫu giáo Hàm Đức 5) cùng tất cả đồ dùng trong nhà này như: Tủ, bàn ghế, giường, ván, lu mái cùng với một số đất vườn, đất im của chồng vợ tôi còn quản lý có diện tích hơn một sào rưỡi: Đông giáp Sa động, Tây giáp: đất của Phạm Thị Định, Nam giáp biên đất của bà 8 phổ và ông 6 trường có cặp mương nước, Bắc giáp: biên đất của Phạm Văn C và T cũng đã nhận ba chỉ vàng y trong ngày cưới vợ trước đây.

Phần thứ 7: Giao cho đứa con tên Phạm Văn C gồm có bộ đồ gỗ nhà, trính, kèo, đòn tay, ron, lách, số đá chẻ, số cửa là 8 bộ cùng với sở nhà một cái vách đất lợp tôle trong vườn và tất cả đồ dùng trong nhà như: tủ, bàn, ghế, gường, ván, lu mái… với 4 con bò đực cày cùng một số đất thổ cư, đất vườn đất im có diện tích hơn một sào rưỡi. Đông giáp: Sa động. Tây giáp: Biên đất Pham Thị K. Nam giáp biên đất Phạm Ngọc T. Bắc giáp biên đất Pham Thị X và Phạm Thị Định. Xem như số đất vườn đất im và thổ cư đã chia thêm cho các đứa con gái rồi, còn lại chia làm đôi cho T một nữa và C một nữa, và C cũng đã nhận được 3 chỉ vàng y trong ngày xây dựng hạnh phúc gia đình trước đây.

Phần sao cùng: Là của đứa con gái út tên Phạm Thị M vì còn độc thân ăn ở theo cha mẹ nhưng chồng vợ tôi cũng đã có cho hẳn nó 2 con bò cái, tính mãi đến hôm nay đã sanh đẻ 03 con nữa, như vậy con M đã có 5 con bò để làm vốn rồi. thêm vào đó M cũng đã được cho 03 chỉ vàng y với nửa cái vườn dừa đã ăn quả trong cái vườn dừa mà chồng vợ tôi đã bán nhượng đứt cho Phạm Thị K một nữa trước đây. Cái kiềng nhà sẵn có trước đây về hướng Tây là của K về hướng Đông là của M (K

được dùng luôn cái kiềng nhà đã có trên đất dừa). Các phần thực đã chia sẽ phân định rõ ràng cho mỗi đứa con thì bất cứ trai hay gái vẫn có quyền hưởng trong điều kiện vĩnh viễn truyền tử lưu tôn nhưng không được một đứa con nào tự ý sang nhượng gì cả khi mà chồng vợ tôi còn nhãn tiền mà nhất là ruộng đất, vườn tược. Riêng hai con trai là Phạm Ngọc T và Phạm Văn C cần lưu ý theo lời cha mẹ dặn sao đây:

*Phần T là con trưởng nam, tất cả gì đã chia giao cho con nhưng quyền cha mẹ vẫn còn ăn ở trong nhà, đất cát vườn tược cha mẹ vẫn còn lấy đó sản xuất làm ăn theo khả năng còn có của cha mẹ và con cũng vẫn sản xuất làm ăn trong đất cát chút ít theo khả năng của con để thêm sinh kế đến khi nào cha mẹ đều mãng phần hết là quyền sở hữu quản lý sử dụng của T và con lo bề nhan khói cho ông nội với cha mẹ theo khả năng của con.

*Phần C thì số cây gỗ, nhà cửa nẻo, cát đá chẻ đã cho con thì nên tạo điều kiện để có khả năng thêm vào con xây cất lên cái nhà để mà ở trên nửa đất còn lại bên sở nhà của phần anh con mà hiện cha mẹ còn ăn ở để rồi sao này anh em gần gũi với nhau (Nhà T hướng Đông, nhà C hướng Tây trên khoảng đất 300m vuông). Chồng vợ tôi đã già yếu nên đem S sản như nhà cửa, đất cát, ruộng vườn, bò bê, vàng bạc phân chia cho con thì các đứa con đã T niên có trách nhiệm làm nghĩa vụ thuế khoá nông nghiệp và lao động theo quy định chung của Nhà nước đối với phần mình hưởng.

Sau này nếu các con có ai tranh chấp gì là tự bội phản lại tình nghĩa gia đình, công ơn cha mẹ thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với luật pháp chung. Tờ di chúc này lập tại gia đình ngày 10 tháng 11 năm 1992 và lập T ba bản để hai con trai và chồng vợ tôi cất giữ đối chấp về sau.

Ông Phạm Ngọc T xác định di sản của cha mẹ chết để lại gồm:

- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 911,2m^2 tọa lạc tại thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Trên diện tích đất này gồm có:

+ Thửa đất diện tích 392,7m^2 trên đất có căn nhà cấp 4C của cha mẹ ông xây dựng vào năm 1975.

+ Thửa đất diện tích 337,8m^2 trên đất có nhà của ông Phạm Văn C.

+ Thửa đất diện tích 180,7m^2 trên đất có nhà của bà Phạm Thị M.

- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.630,6m^2 (trong đó có phần chia theo bình quân nhân nhân khẩu cha mẹ mỗi người 400m^2 x 2 = 800m^2)

- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 550,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 720,9m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 384,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 728,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 536,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 718,1m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.694,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.019,4m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 195m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 828,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 752,9m^2

- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 301,7m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 609m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 496m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 498,6m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 125,7m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 902,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 247,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 126,1m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 546,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 512,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 611,6m^2

Tất cả diện tích đất tọa lạc tại Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Cùng một số S sản khác như: 02 tủ thờ, 01 tủ đứng, 01 cái giường, 01 bộ ván, 01 bàn chữ U, 01 tủ nhỏ, 02 bộ chân đèn đồng.

Nay ông Phạm Ngọc T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo di chúc ngày 10/11/1992 cho ông được hưởng các S sản như sau:

+ Thửa đất diện tích 392,7m^2 trên đất có căn nhà cấp 4C của cha mẹ ông xây dựng vào năm 1975.

- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.630,6m^2 (trong đó có phần chia theo bình quân nhân nhân khẩu cha mẹ mỗi người 400m^2 x 2 = 800m^2)
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 550,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 720,9m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 384,2m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 728,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 536,5m^2
- Diện tích đất đo đạc hiện trạng 718,1m^2
- ½ diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.694,2m^2
- 02 tủ thờ, 01 tủ đứng, 01 cái giường, 01 bộ ván, 01 bàn chữ U, 01 tủ nhỏ, 02 bộ chân đèn đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn C khai: Về quan hệ gia đình như ông Phạm Ngọc T khai ông xác nhận đúng. Cha, mẹ ông chết không để lại di chúc. Ông xác định S sản của cha mẹ để lại như ông Phạm Ngọc T trình bày, ông không công nhận di chúc ngày 10/11/1992 và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật: Thửa đất có diện tích đất 392,7m^2 và toàn bộ S sản có trên đất: Nhà cấp 4C, một số S sản khác như: 02 tủ thờ, 01 tủ đứng, 01 cái giường, 01 bộ ván, 01 bàn chữ U có kính, 01 tủ đứng nhỏ, 01 ghế đứng thấp nhang Diện tích đất thổ cư 392,7m^2 (đã được UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 060994 ngày 27/02/2015 cho hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng). Ngoài ra, còn có 01 giếng nước và hàng rào tất cả là của cha mẹ để lại chứ không phải của bà M, ông đồng ý chia thừa kế các S sản trên. Đối với nhà và đất có nhà để làm nhà tự thờ cúng ông bà, cha mẹ thì chia di sản theo pháp luật, ai được nhận thì phải hoàn tiền lại cho các thừa kế khác nếu có phần

chênh lệch. Các S sản di dời được như: Bàn, tủ, ván ... thì ông không tranh chấp giao cho ông T chia cho ai thì chia.

Đối với 08 thửa đất, tổng diện tích 7.963,5m^2 ông Phạm Ngọc T trình bày tranh chấp yêu cầu chia là không đúng vì đất này là của gia đình ông sử dụng từ năm 1991 đến nay. Đối với các thửa đất nông nghiệp, cụ thể:

+ Đối với thửa đất có diện tích 1.019,4m^2 trong đó có 400m^2 đầu khẩu của ông T, phần đất còn lại cha mẹ cho bà M.

+ Đối với các thửa đất có diện tích 334,2m^2; 550,5m^2; 728,5m^2; 536,5m^2; 720,9m^2, 718,1m^2 ông canh tác từ năm 1991 đến nay chưa cấp quyền sử dụng đất.

+ Đối với thửa đất có diện tích 2.694,2m^2 trong đó có 1.000m^2 cha mẹ ông có cho bà Phạm Thị Đinh (đã chết) thì hiện nay là của các con bà Đinh, phần diện tích còn lại ông đang canh tác.

Các thửa đất này là S sản của ông chứ không phải của cha mẹ để lại, ông không đồng ý chia thừa kế.

Đối với các thửa đất khác chia theo bình quân nhân khẩu các anh, chị, em đã nhận: Bà K đang canh tác thửa đất có diện tích: 195,0m^2; 828,2m^2; 752,9m^2; 301,7m^2; 496m^2; Bà O đang canh tác thửa đất có diện tích: 609,0m^2; Bà X đang canh tác thửa đất có diện tích: 902,2m^2; 546,5m^2; 611,6m^2; 126,1m^2; 247,2m^2; Bà Đinh (đã chết) các con bà Đinh đang canh tác thửa đất có diện tích: 498,6m^2 và 125,7m^2. Đối với thửa đất có 1.630m^2 đất này được Nhà nước chia theo bình quân nhân khẩu gồm 04 khẩu gồm: Cha mẹ, ông và bà M. Đối với phần khẩu của bà M ông đã hoán đổi thửa 512,5m^2 và bà M hiện đang canh tác.

Người có quyền A, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Lâm trình bày: Bà thống nhất ý kiến với chồng của bà là ông Phạm Văn C không có ý kiến gì khác.

Người có quyền A, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị O về quan hệ gia đình anh chị em ruột và di sản của cha mẹ các bà như ông Phạm Ngọc T khai là đúng, các bà không thừa nhận Tờ di chúc ngày 10/11/1992, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T mà chia đều di sản của cha mẹ để lại cho các anh chị em. Đối với phần đất nông nghiệp tranh chấp thì đã có trước khi ông C sinh ra đời. Đối với phần đất thổ cư thì phần đất cha mẹ cho bà M có giấy tờ thì không yêu cầu chia, đối với phần đất thổ cư của ông C cha mẹ cho không có giấy tờ nên phải chia, ông C nhận đất vì trên đất có nhà ông C, ông C phải hoàn tiền trị giá đất cho các thừa kế khác. Còn phần đất thổ cư có nhà của cha mẹ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng, hiện đóng cửa để đó, ai đến thắp hương, cúng ông bà vẫn bình thường, là phải chia giao cho ông T và ông T hoàn tiền lại cho các thừa kế khác. Riêng đối với các S sản di dời được như bàn, tủ, ván …thì để cho ông T toàn quyền quyết định, chứ các bà không yêu cầu chia. Hiện nay bà Phạm Thị M đang sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.019,4m^2. Bà Phạm Thị X đang sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng: 902,2m^2; 546,5m^2; 611,6m^2; 126,1m^2; 247,2m^2. Bà Phạm Thị K đang sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 195,0m^2; 828,2m^2; 752,9m^2;

301,7m^2; 496m^2. Bà Phạm Thị O đang sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 609,0m^2. Bà Phạm Thị M đang sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 512,5m^2 .

Người có quyền A, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q cùng sử dụng diện tích đất đo đạc hiện trạng 498,6m^2 và 125,7m^2 và yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật, không có ý kiến gì khác.

Người có quyền A, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu S trình bày: Ông là chồng của bà Pham Thị K nhưng đã ly hôn theo quyết định số 47/2006/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2006 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.173,7m^2 tọa lạc tại Thôn 5, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận là của cha mẹ vợ ông khi còn sống cho bà Phạm Thị M sử dụng. Diện tích đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và S sản khác gắn liền với đất số CK 986335 ngày 18/9/2017 đứng tên Nguyễn Hữu S và Phạm Thị K với diện tích 2.173,7m^2 là của cha mẹ vợ ông. Năm 1981 cha mẹ vợ chuyển nhượng lại ½ diện tích cho vợ chồng ông. Do đó trong diện tích đất có 454m^2 đã được cấp cho hộ ông. Ông xác định không liên quan đến tranh chấp thừa kế này đề nghị Tòa án không triệu tập ông nữa.

Người làm chứng ông Đào Văn T trình bày: Ông gọi cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng là anh chị họ, chữ ký người làm chứng trong Tờ di chúc ngày 10/11/1992 là của ông. Do cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng không biết chữ nên mới nhờ ông Võ Hai viết giúp di chúc ngày 10/11/1992 rồi kêu ông và ông Trần Đê ký làm chứng, nay ông Võ Hai và ông Trần Đê đã chết, ông cam đoan lời khai này đúng nếu sai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Hiện nay ông tuổi già sức yếu không đi đến Tòa án tham gia tố tụng được đề nghị Tòa án không triệu tập ông nữa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận Tờ di chúc ngày 10/11/1992 của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng là hợp pháp. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng theo pháp luật. Xác định tổng trị giá di sản thừa kế: 931.534.000đồng, chia thừa kế theo pháp luật cho bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị Đinh (đã chết vào năm 2000), bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị O và bà Phạm Thị M mỗi người được hưởng trị giá di sản thừa kế là 116.441.750đ. Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q là thừa kế thế vị của bà Phạm Thị Đinh mỗi người được hưởng trị giá di sản thừa kế là 58.220.875đồng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các S liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 28/3/2023 đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về thừa kế S sản" qua thẩm tra S liệu, chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa thì Hội đồng xét xử thấy rằng đây là tranh chấp là "*Tranh chấp về thừa kế S sản*" được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú và S sản tranh chấp tại xã Hàm Đức huyện Hàm Thuận Bắc nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2]Về áp dụng pháp luật: Tranh chấp về thừa kế S sản xảy ra trong lúc Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3]Kết quả thu thập chứng cứ:

[3.1] Tại Văn bản số 1144/UBND-NC ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xác định:

1. Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Diện tích đất tranh chấp đo đạc hiện trạng 911,2m^2 (gồm 337,8m^2 + 180,7m^2 + 392,7m^2) có nguồn gốc là đất gốc của gia đình ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng (cha, mẹ ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C) sử dụng trước năm 1975. Năm 1975, ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng sử dụng xây nhà ở trên diện tích 392,7m^2 thuộc thửa đất số 101, diện tích 83,7m^2 và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BX 060994 ngày 27/02/2015 đứng tên hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng . Năm 1992, ông Tý, bà Hoàng cho con ruột là ông Phạm Văn C diện tích đo đạc hiện trạng 337,8m^2, ông C xây dựng nhà, tường rào và sử dụng đến nay. Năm 2009, ông Tý, bà Hoàng cho con ruột là bà Phạm Thị M diện tích đo đạc hiện trạng 180,7m^2, bà M xây dựng nhà và sử dụng đến nay. Đối với diện tích đất đo đạc hiện trạng có tổng diện tích 15.736,1m^2 có nguồn gốc do hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng tạo lập năm 1980 và sử dụng cho đến nay.

2. Trình tự thủ tục và nội dung cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BX 060994 ngày 27/02/2015 đứng tên hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng đối với thửa đất số 101, diện tích 383,7m^2 (gồm 300m^2 đất ở và 83,7m^2 đất hàng năm khác) là đúng theo quy định của Luật Đất đai, vì: Diện tích đất này hộ ông Tý, bà Hoàng sử dụng trước năm 1975.

Theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BX 060994 ngày 27/02/2015 đứng tên hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng hiện nay lưu trữ là cấp cho ông Tý, bà Hoàng.

3. Thửa đất số 101, diện tích 383,7m^2 đo đạc hiện trạng có diện tích 911,2m^2 (gồm: 337,8m^2 + 392,7m^2 + 180,7m^2) có biến động diện tích là do diện tích đo đạc hiện trạng hợp 03 thửa đất, gồm: Thửa đất số 101, diện tích 383,7m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông Phạn Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng; thửa đất số 100, diện tích 337,8m^2 hiện do ông Phạm Văn C sử dụng và thửa đất số 302, diện tích

180,7m^2 hiện do bà Phạm Thị M sử dụng. Thực tế thửa đất số 101, diện tích 383,7m^2 diện tích đo đạc hiện trạng 392,7m^2, được UBND xã Hàm Đức xác định ranh giới ổn định, diện tích biến động là do sai số trong đo đạc. Xử lý việc chênh lệch diện tích này đề nghị người sử dụng đất lập thủ tục đăng ký biến động để được điều chỉnh theo hiện trạng theo quy định tại khoản 5, Điều 98 Luật Đất đai năm 2013.

Theo quy hoạch- kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thì vị trí các thửa đất số 100, diện tích 337,8m^2 và thửa đất số 302, diện tích 180,7m^2 thuộc quy hoạch đất ở. Việc ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M tự ý xây dựng nhà, tường rào nhưng UBND xã Hàm Đức không lập hồ sơ xử lý và ngôi nhà, tường rào của ông C, bà M xây dựng trước ngày 01/7/2014 nên nhà ở tường rào được giữ nguyên hiện trạng.

4. Diện tích đất đo đạc hiện trạng 15,736,1m^2 do hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng tạo lập năm 1980 nhưng không ai kê khai, đăng ký, không có một trong các loại giấy tờ về đất và chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất. Hiện nay, diện tích này đang tranh chấp, do đó UBND huyện sẽ xác lập QSD đất theo kết quả giải quyết tranh chấp".

[3.2] Tại công văn số 2503/UBND-NC ngày 25/10/2019 của UBND huyện Hàm Thuận Bắc có nội dung:… *1. UBND huyện có Công văn 808/UBND-NC ngày 09/4/2018 điều chỉnh Công văn số 1144/UBND-NC ngày 08/5/2017 là do: Công văn số 1144/UBND-NC ngày 08/5/2017 cung cấp thông tin đánh máy thiếu chữ hộ, do đó UBND huyện ban hành Công văn số 808/UBND-NC ngày 09/4/2018 điều chỉnh bổ sung chữ hộ cho đúng theo hồ sơ cấp giấy hiện lưu trữ.*

... Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 060994 cấp ngày 27/02/2015 là cấp cho hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng, tuy nhiên hồ sơ không thể hiện cụ thể T viên trong hộ ông Tý, bà Hoàng gồm những ai.

5. Diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.173,7m hiện nay Tòa án chưa thu thập được thông tin về giấy tờ quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận QSDĐ), do đó việc xác định nguồn gốc diện tích đất đo đạc hiện trạng 2.173,7m căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 70, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thuộc thẩm quyền của UBND xã Hàm Đức. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có văn bản yêu cầu UBND xã Hàm Đức cung cấp thông tin theo thẩm quyền Luật Đất đai quy định.

[5] Xét yêu cầu tranh chấp chia di sản thừa kế của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc xét xử sơ thẩm tại bản án dân sự sơ thẩm số 70/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 thì ông Phạm Ngọc T kháng cáo, tại phiên tòa Phúc thẩm ngày 31/5/2018 ông Phạm Ngọc T cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận "Tờ di chúc ngày 10/11/1992 của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng". Do Tờ di chúc ngày 10/11/1992 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xém xét nên Tòa án cấp phúc thẩm hủy án để Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại. Xét Tờ di chúc ngày 10/11/1992 Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc thụ lý giải quyết lại vụ án có lấy lời khai của người làm chứng là ông Đào Văn T thì ông Đào Văn T xác định: Do cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng không biết chữ nên khi lập Tờ di chúc ngày

10/11/1992 có nhờ ông Võ Hai (đã chết) viết giúp, ông T và ông Trần Đê ký bên dưới người làm chứng. Việc ông Đào Văn T khai cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng không biết chữ là phù hợp lời khai của bà Phạm Thị M; bà Phạm Thị K; bà Phạm Thị X; ông Phạm Ngọc T; bà Phạm Thị O; ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị M. Do đó, theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định "*Người lập di chúc có thể tự viết hoặc nhờ người khác viết bản di chúc, nhưng người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ trước mặt người có trách nhiệm chứng thực của cơ quan công chứng hoặc Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn*". Khoản 3 Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "*Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập T văn bản và có công chứng hoặc chứng thực*". Trong vụ án này, di chúc không phải do cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng tự viết mà do người khác viết vì cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng không biết chữ và không có công chứng hoặc chứng thực là không đúng pháp luật nên di chúc không hợp pháp và không được công nhận. Do đó, di sản của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng được giải quyết chia theo pháp luật.

[5]Về hàng thừa kế: Cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng có 08 người con, gồm: Bà Phạm Thị M; bà Phạm Thị Đinh (đã chết năm 2000); bà Phạm Thị K; bà Phạm Thị X; ông Phạm Ngọc T; bà Phạm Thị O; ông Phạm Văn C; bà Phạm Thị M. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm có 08 người. Do bà Phạm Thị Đinh chết trước thời điểm mở thừa kế nên người thừa kế thế vị của bà Đinh là các con của bà Đinh là anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q theo Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6]Về di sản thừa kế: Căn cứ S liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ vụ án và với kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các đồng thừa kế thống nhất di sản thừa kế của cụ Phạm Tý, cụ Nguyễn Thị Hoàng để lại gồm có:

- Diện tích đất thổ cư 392,7m^2 trị giá 235.620.000đồng (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 060994 ngày 27/02/2015 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp cho hộ ông Phạm Tý, bà Nguyễn Thị Hoàng);
- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 48,96m^2 trị giá 41.420.160đồng (nằm trong diện tích đất thổ cư 392,7m^2);
- 02 tủ thờ gỗ gõ giá 6.000.000đồng;
- 01 tủ đứng gỗ gõ giá 2.000.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 04 tấm gỗ bông lau giá 1.800.000đồng;
- 01 giường gỗ gõ giá 750.000đồng;
- 01 giường gỗ cốc hành giá 500.000đồng;
- 01 bàn chữ U gỗ gõ giá 1.000.000đồng;
- 02 bộ chân đèn đồng giá 2.000.000đồng;
- 01 tủ nhỏ gỗ gõ giá 1.500.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 05 tấm gỗ gáo giá 500.000đồng;
- 45 cây dừa theo bờ ranh khu vực đất trị giá 9.000.000đồng.

- Đất nông nghiệp là 23 thửa với tổng diện tích đo đạc hiện trạng: 15.736,1m^2 giá 629.444.000đồng.

Tổng trị giá di sản thừa kế: 931.534.000đồng chia cho 8 người con mỗi người được hưởng 116.441.750đồng. Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q là thừa kế thế vị của bà Phạm Thị Đinh mỗi người được hưởng 58.220.875đồng.

[7]Chia di sản thừa kế: Theo ý kiến của các đương sự tại phiên tòa và theo đa số thừa kế xác nhận và để ổn định sản xuất, quản lý sử dụng đất, sở hữu S sản và khả năng thanh toán kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các thừa kế khác, các thừa kế đều thống nhất với Biên bản định giá S sản ngày 11/10/2016 không yêu cầu định giá lại nên chia thừa kế như sau:

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho ông Phạm Ngọc T:

- Diện tích đất thổ cư 392,7m^2 trị giá 235.620.000đồng;
- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 48,96m^2 trị giá 41.420.160đồng;
- 02 tủ thờ gỗ gõ giá 6.000.000đồng;
- 01 tủ đứng gỗ gõ giá 2.000.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 04 tấm gỗ bông lau giá 1.800.000đồng;
- 01 giường gỗ gõ giá 750.000đồng;
- 01 giường gỗ cốc hành giá 500.000đồng;
- 01 bàn chữ U gỗ gõ giá 1.000.000đồng;
- 02 bộ chân đèn đồng giá 2.000.000đồng;
- 01 tủ nhỏ gỗ gõ giá 1.500.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 05 tấm gỗ gáo giá 500.000đồng.

Tổng giá trị S sản bằng hiện vật ông Phạm Ngọc T được chia là: 293.090.000đồng. Ông Phạm Ngọc T có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế S sản bằng tiền cho các thừa kế khác số tiền: 176.648.250đồng. Cụ thể là:

+ Bà Phạm Thị M số tiền: 64.183.500đồng;
+ Bà Phạm Thị O số tiền: 92.081.750đồng;
+ Bà Phạm Thị M số tiền: 20.383.000đồng;

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho ông Phạm Văn C: Ông C tiếp tục sử dụng đất: Diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.630,6m^2; 384,2m^2; 728,5m^2; 550,5m^2; 536,5m^2; 718,1m^2; 720,9m^2; 2.694,2m^2. Tổng diện tích 7.963,5m^2 trị giá 318.540.000đồng. 45 cây dừa theo bờ ranh khu vực đất trị giá 9.000.000đồng. Tổng giá trị S sản bằng hiện vật ông Phạm Văn C được chia là: 327.540.000đồng. Ông Phạm Văn C có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế S sản bằng tiền cho các thừa kế khác số tiền: 211.098.250 đồng. Cụ thể là:

+ Anh Trần Văn A số tiền: 45.734.875đồng;
+ Chị Trần Thị Q số tiền: 45.734.875đồng;
+ Bà Phạm Thị X số tiền: 19.097.750đồng;
+ Bà Phạm Thị M số tiền: 75.558.750đồng;
+Bà Phạm Thị M 11.482.250đồng;
+Bà Phạm Thị K 13.489.750đồng.

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị K: diện tích đất đo đạc hiện trạng: 195,0m^2; 828,2m^2; 752,9m^2; 301,7m^2; 496m^2. Tổng diện tích 2.573,8m^2 trị giá 102.952.000đồng, số tiền còn lại 13.489.750đ do ông Phạm Văn C hoàn trả.

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị M diện tích đất đo đạc hiện trạng 512,5m^2 trị giá 20.500.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị M được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Văn C hoàn trả là 75.558.750đồng và ông Phạm Ngọc T hoàn trả là 20.383.000đồng.

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị O diện tích đất đo đạc hiện trạng 609,0m^2 trị giá 24.360.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị O được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Ngọc T hoàn trả là 92.081.750đồng.

Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị X diện tích đất đo đạc hiện trạng 902,2m^2; 546,5m^2; 611,6m^2; 126,1m^2; 247,2m^2; Tổng diện tích 2.433,6m^2 trị giá 97.344.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị X được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Văn C hoàn trả là 19.097.750đồng.

Chia thừa kế bằng tiền cho anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q cả hai cùng sử dụng diện tích 498,6m^2 và 125,7m^2 tổng cộng 624,3m^2 trị giá 24.972.000đ, số tiền còn lại 91.469.750đ do ông Phạm Văn C hoàn trả cho anh Trần Văn A 45.734.875đồng và chị Trần Thị Q 45.734.875đồng.

Chia thừa kế bằng tiền cho bà Phạm Thị M diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.019,4m^2 trị giá 40.776.000đ số tiền còn lại 75.665.750đ do ông Phạm Ngọc T hoàn trả 64.183.500đồng và do ông Phạm Văn C hoàn trả 11.482.250đồng.

Đối với phần diện tích đất 337,8m^2 trên đất có nhà ông C và diện tích 180,7m^2 trên đất có nhà của bà Phạm Thì M thì cụ Tý, cụ Hoàng đã cho ông C và bà M đã xây dựng nhà ở ổn định từ đó đến nay, ông Tý, bà Hoàng không có tranh chấp là thể hiện ý chí của các cụ là cho con đất nên đất này thuộc quyền sử dụng của hộ ông C và bà M nên đất này không phải là di sản thừa kế.

Đối với diện tích đất đo đạc hiện trạng có tổng diện tích 15.736,1m^2 có nguồn gốc do hộ cụ ông Phạm Tý, cụ bà Nguyễn Thị Hoàng tạo lập vào khoảng năm 1980 và sử dụng đến khi chết không kê khai đăng ký, không có chứng cứ chứng minh là đất chia theo bình quân nhân khẩu nên đây là di sản thừa kế.

Đối với thửa đất có diện tích đo đạc hiện trạng 2.173,7m^2 hiện bà Phạm Thị M đang quản lý canh tác. Do ông Phạm Ngọc T và các thừa kế khác thống nhất đã cho bà M trước khi lập di chúc nên không phải là di sản thừa kế.

Đối với giếng nước, 01 cây khế, 01 cây nhãn, 02 cây chuối, 01 cây C kiểng, 02 cây mận hiện một số đã chết các đương sự không yêu cầu giải quyết; tường rào lưới B40 xây gạch thuộc diện tích đất thổ cư 392,7m^2, ông C cho rằng đây là di sản thừa kế nhưng ông không có chứng cứ để chứng minh trong khi đa số thừa kế xác định là của bà M và ông T cùng xây dựng nên S sản này không phải là di sản thừa kế.

Các đương sự: Ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[8]Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là thỏa đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng:

Các đương sự ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M, anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị M, Phạm Thị K, Phạm Thị X là người C tuổi được miễn án phí theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị M, Phạm Thị K, Phạm Thị X phải chịu lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ**: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, Khoản 3 Điều 652, Điều 660, Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 4, khoản 7 Điều 166, Khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Không công nhận Tờ chúc ngày 10/11/1992 của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng là hợp pháp. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ ông Phạm Tý và cụ bà Nguyễn Thị Hoàng theo pháp luật.

* Xác định: - Cụ ông Phạm Tý, chết ngày 07/3/2014 theo Trích lục khai tử (bản sao) số 358/TLKT-BS, ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Cụ bà Nguyễn Thị Hoàng, chết ngày 08/02/2015 theo Trích lục khai tử (bản sao) số 359/TLKT-BS, ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

* Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Phạm Tý và cụ Nguyễn Thị Hoàng gồm 08 người con là: Bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị Đinh (đã chết vào năm 2000), bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị O và bà Phạm Thị M. Người thừa kế thế vị của bà Đinh là 02 con: Trần Văn A và Trần Thị Q.

*** Di sản thừa kế của cụ Phạm Tý và cụ Nguyễn Thị Hoàng chết để lại gồm:**

- Diện tích đất thổ cư 392,7m^2 trị giá 235.620.000đồng;

- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 48,96m^2 trị giá 41.420.160đồng;
- 02 tủ thờ gỗ gõ giá 6.000.000đồng;
- 01 tủ đứng gỗ gõ giá 2.000.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 04 tấm gỗ bông lau giá 1.800.000đồng;
- 01 giường gỗ gõ giá 750.000đồng;
- 01 giường gỗ cốc hành giá 500.000đồng;
- 01 bàn chữ U gỗ gõ giá 1.000.000đồng;
- 02 bộ chân đèn đồng giá 2.000.000đồng;
- 01 tủ nhỏ gỗ gõ giá 1.500.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 05 tấm gỗ gáo giá 500.000đồng;
- 45 cây dừa theo bờ ranh khu vực đất trị giá 9.000.000đồng.
- Đất nông nghiệp là 23 thửa với tổng diện tích đo đạc hiện trạng: 15.736,1m^2 giá 629.444.000đồng.

Tổng trị giá di sản thừa kế: 931.534.000đồng chia cho 8 người con mỗi người được hưởng 116.441.750đồng. Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q là thừa kế thế vị của bà Phạm Thị Đinh mỗi người được hưởng 58.220.875đồng.

1/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho ông Phạm Ngọc T:

- Diện tích đất thổ cư 392,7m^2 trị giá 235.620.000đồng;
- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 48,96m^2 trị giá 41.420.160đồng;
- 02 tủ thờ gỗ gõ giá 6.000.000đồng;
- 01 tủ đứng gỗ gõ giá 2.000.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 04 tấm gỗ bông lau giá 1.800.000đồng;
- 01 giường gỗ gõ giá 750.000đồng;
- 01 giường gỗ cốc hành giá 500.000đồng;
- 01 bàn chữ U gỗ gõ giá 1.000.000đồng;
- 02 bộ chân đèn đồng giá 2.000.000đồng;
- 01 tủ nhỏ gỗ gõ giá 1.500.000đồng;
- 01 bộ ván ngựa 05 tấm gỗ gáo giá 500.000đồng.

Tổng giá trị S sản bằng hiện vật ông Phạm Ngọc T được chia là: 293.090.000đồng. Ông Phạm Ngọc T có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế S sản bằng tiền cho các thừa kế khác số tiền: 176.648.250đồng. Cụ thể là:

+ Bà Phạm Thị M số tiền: 64.183.500đồng;
+ Bà Phạm Thị O số tiền: 92.081.750đồng;
+ Bà Phạm Thị M số tiền: 20.383.000đồng;

2/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho ông Phạm Văn C: Ông C tiếp tục sử dụng đất: Diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.630,6m^2; 384,2m^2; 728,5m^2; 550,5m^2; 536,5m^2; 718,1m^2; 720,9m^2; 2.694,2m^2. Tổng diện tích 7.963,5m^2 trị giá 318.540.000đồng. 45 cây dừa theo bờ ranh khu vực đất trị giá 9.000.000đồng. Tổng giá trị S sản bằng hiện vật ông Phạm Văn C được chia là: 327.540.000đồng. Ông Phạm Văn C có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế S sản bằng tiền cho các thừa kế khác số tiền: 211.098.250 đồng. Cụ thể là:

+ Anh Trần Văn A số tiền: 45.734.875đồng;

+ Chị Trần Thị Q số tiền: 45.734.875đồng;
+ Bà Phạm Thị X số tiền: 19.097.750đồng;
+ Bà Phạm Thị M số tiền: 75.558.750đồng;
+Bà Phạm Thị M 11.482.250đồng;
+Bà Phạm Thị K 13.489.750đồng.

3/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị K: diện tích đất đo đạc hiện trạng 195,0m^2; 828,2m^2; 752,9m^2; 301,7m^2; 496m^2.Tổng diện tích 2.573,8m^2 trị giá 102.952.000đồng, số tiền còn lại 13.489.750đ do ông Phạm Văn C hoàn trả.

4/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị M diện tích đất đo đạc hiện trạng 512,5m^2 trị giá 20.500.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị M được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Văn C hoàn trả là 75.558.750đồng và ông Phạm Ngọc T hoàn trả là 20.383.000đồng.

5/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị O diện tích đất đo đạc hiện trạng 609,0m^2 trị giá 24.360.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị O được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Ngọc T hoàn trả là 92.081.750đồng.

6/Chia thừa kế S sản bằng hiện vật cho bà Phạm Thị X diện tích đất đo đạc hiện trạng 902,2m^2; 546,5m^2; 611,6m^2; 126,1m^2; 247,2m^2; Tổng diện tích 2.433,6m^2 trị giá 97.344.000đồng. Số tiền còn lại bà Phạm Thị X được nhận kỷ phần thừa kế do ông Phạm Văn C hoàn trả là 19.097.750đồng.

7/Chia thừa kế bằng tiền cho anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q cả hai cùng sử dụng diện tích 498,6m^2 và 125,7m^2, tổng cộng 624,3m^2 trị giá 24.972.000đ, số tiền còn lại 91.469.750đ do ông Phạm Văn C hoàn trả cho anh Trần Văn A 45.734.875đồng và chị Trần Thị Q 45.734.875đồng.

8/Chia thừa kế bằng tiền cho bà Phạm Thị M diện tích đất đo đạc hiện trạng 1.019,4m^2 trị giá 40.776.000đ, số tiền còn lại 75.665.750đ do ông Phạm Ngọc T hoàn trả 64.183.500đồng và ông Phạm Văn C hoàn trả 11.482.250đồng.

Các đương sự: Ông Phạm Ngọc T, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị M, anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Có 02 Trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 11/10/2016 kèm theo.

9/Áp dụng các Điều 147, 157, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

* *Về án phí*:

- Ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 5.822.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q mỗi người phải chịu 2.911.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Ngọc T phải chịu 5.822.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 607.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008266 ngày 13/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, còn lại 5.215.000đồng ông Phạm Ngọc T phải tiếp tục nộp.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M, Phạm Thị K, Phạm Thị X.

** Về lệ phí*:

- Ông Phạm Ngọc T phải chịu 3.381.000đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất. Ông Phạm Ngọc T đã nộp 27.046.000đồng tạm ứng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, còn lại số tiền 23.665.000đồng do ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M, anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q hoàn trả lại cho ông Phạm Ngọc T.

- Ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị M, bà Phạm Thị K, bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị O, bà Phạm Thị M mỗi người phải chịu 3.381.000đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất để hoàn trả cho ông Phạm Ngọc T.

- Anh Trần Văn A và chị Trần Thị Q mỗi người phải chịu 1.690.500đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá S sản và đo đạc đất để hoàn trả cho ông Phạm Ngọc T.

Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại địa phương.

"*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*".

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang